

Số: 29 /2025/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định chính sách hỗ trợ chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Luật Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Xét Tờ trình số 584/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2025.
5. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết:
 - a) Nghị quyết số 82/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
 - b) Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Nghị quyết số 82/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
 - c) Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định một số chính sách hỗ trợ đổi mới, chuyển giao, ứng dụng công nghệ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
6. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản hiện hành.

7. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có áp dụng chính sách hỗ trợ chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu và phát triển thị trường khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc nhiệm vụ, nghiệm thu và thanh quyết toán theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điều hành, Trang Thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng



QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, nội dung, định mức và điều kiện hỗ trợ trong chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (nay gọi là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long) (gọi tắt là nhiệm vụ).

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước hoạt động trong phạm vi trên địa bàn tỉnh, có liên quan đến chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Việc hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp;

b) Trong thời gian các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 nhận một trong các chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 3 của Quy định này thì không hưởng chính sách hỗ trợ khác của Quy định này;

c) Ưu tiên hỗ trợ đối với các ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP



ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

d) Ưu tiên hỗ trợ các nhiệm vụ có yếu tố đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, nông nghiệp công nghệ cao; mô hình liên kết theo chuỗi giá trị.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Hoạt động đúng với ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định hiện hành của nhà nước về thuế, chính sách đối với người lao động, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

c) Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả hoặc đang trong quá trình giải thể;

d) Công nghệ sử dụng của nhiệm vụ không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định tại Phụ lục II, III kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP;

đ) Các nội dung chính sách chuyển giao và đổi mới công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 3 Quy định này được thực hiện thông qua nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 3. Nội dung và định mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đổi mới công nghệ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ có liên kết hợp tác để triển khai các nhiệm vụ bao gồm: chuyển giao, đổi mới công nghệ, đào tạo, thuê chuyên gia hướng dẫn vận hành, sản xuất sản phẩm theo công nghệ mới.

b) Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ, tối đa 2,5 tỷ đồng/nhiệm vụ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

2. Hỗ trợ dự án chuyển giao công nghệ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ dự án chuyển giao công nghệ, bao gồm: Bí quyết kỹ thuật; kiến thức kỹ thuật về công nghệ được chuyển giao dưới dạng phương án công nghệ, quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, chương trình máy tính, thông tin dữ liệu; giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.

b) Mức hỗ trợ: 30% kinh phí của dự án chuyển giao công nghệ, tối đa 1,5 tỷ đồng/dự án chuyển giao công nghệ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

3. Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 thực hiện hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp đặc thù của tỉnh Vĩnh Long.

b) Mức hỗ trợ: 30% tổng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ thuộc một trong các nội dung nêu trên, tối đa 2,5 tỷ đồng/nhiệm vụ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

4. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới

a) Dự án chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ

Nội dung hỗ trợ: Dự án xây dựng mô hình chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế, trình độ phát triển của từng địa phương trong tỉnh; xây dựng mô hình chuyển giao, ứng dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học và công nghệ, tổ chức quản lý, phát triển thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa có sự tham gia, liên kết giữa nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực hiện đối với các dự án chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tối đa 02 tỷ đồng/dự án (Hai tỷ đồng).

b) Dự án nhân rộng kết quả các nhiệm vụ

Nội dung hỗ trợ: Dự án xây dựng mô hình ứng dụng nhân rộng kết quả các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được nghiệm thu đưa vào thực tiễn; các mô hình sản xuất có kết quả rõ nét, có sức lan tỏa trong cộng đồng cần được nhân rộng.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực hiện đối với mô hình ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ, mô hình sản xuất có kết quả rõ nét, có sức lan tỏa trong cộng đồng cần được nhân rộng, tối đa 300 triệu đồng/mô hình (Ba trăm triệu đồng).

5. Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ

a) Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát triển thị trường công nghệ

Nội dung hỗ trợ: phát triển tổ chức trung gian của thị trường công nghệ; mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu để sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm, hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm thực hiện các nội dung như: xây dựng quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất; tra cứu, thu thập và cung cấp thông tin về công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, chuyên gia công nghệ, nhu cầu công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, công cụ khai

thác cơ sở dữ liệu về thị trường khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước; môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ; phổ biến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ý tưởng công nghệ; tổ chức đào tạo về môi giới, xúc tiến chuyển giao công nghệ; đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ; quản trị tài sản trí tuệ; thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa 1,5 tỷ đồng/nhiệm vụ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

b) Hỗ trợ kinh phí xúc tiến chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước

Nội dung hỗ trợ: xúc tiến chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước.

Mức hỗ trợ: Đối với hoạt động tổ chức trong nước, mức hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa 15 triệu đồng/đơn vị tham gia. Đối với hoạt động được tổ chức ở nước ngoài, mức hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa 50 triệu đồng/đơn vị tham gia.

6. Hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã số hóa các quy trình sản xuất - kinh doanh; hỗ trợ ứng dụng nền tảng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, công nghệ số trong quản lý sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ đào tạo nhân lực kỹ thuật, nhân sự phụ trách quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và nhân sự thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% chi phí tư vấn, đào tạo, thiết lập hệ thống, tối đa 200 triệu đồng/doanh nghiệp/hợp tác xã. Hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án cho mô hình thí điểm chuyển đổi số, sản xuất thông minh.

7. Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, viện, trường thành lập hoặc tham gia vườn ươm, không gian hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hoặc câu lạc bộ khởi nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, ươm tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; hỗ trợ tổ chức cuộc thi, sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ, gọi vốn đổi mới sáng tạo;

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa 300 triệu đồng/nhiệm vụ hoặc mô hình. Hỗ trợ 100% lệ phí đăng ký, công nhận sản phẩm, sáng chế, giải pháp hữu ích (tối đa 30 triệu đồng/hồ sơ).

8. Hỗ trợ phát triển hạ tầng và dịch vụ khoa học và công nghệ cho nông nghiệp công nghệ cao

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ nhiệm vụ xây dựng trạm, điểm, mô hình trình diễn công nghệ nông nghiệp, công nghệ cao, chế biến sâu, bảo quản sau thu

hoạch, liên kết sản xuất – tiêu thụ theo chuỗi giá trị; hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử sản phẩm OCOP; trong đó, ưu tiên các nhiệm vụ có yếu tố chuyển đổi số, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường;

b) Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí thực hiện, tối đa 500 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 4. Hồ sơ đề nghị

Thành phần và số lượng hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới và chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 3 Quy định này thực hiện theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách thuộc ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ phân bổ hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế và nội dung hỗ trợ, việc xử lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không đạt yêu cầu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN và khoản 1 Điều 7 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.